

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chí Vũ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên
Ông Trần Đắc Long	Thành viên
Ông Hồ Sỹ Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Công Đoàn	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đoàn	Phó Tổng giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

2027  
HÌNH  
CÔNG  
NHIỆM  
LỜI  
ĐT  
P. HÀ  
B H

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 11, Phòng 1101,  
Trung tâm Thương mại Sài Gòn  
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +848 3910 0751  
Fax: +848 3910 0750  
www.deloitte.com/vn

Số: 1079/2012 /Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 23 tháng 3 năm 2011 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



*(Handwritten signatures in blue ink)*

**Lê Chí Nguyễn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Kim Long Hải**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

12-3  
NH  
Y  
ĐNH  
TEC  
AM  
OD  
CH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
				(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.654.165.797</b>	<b>67.809.967.765</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.570.166.831</b>	<b>4.198.603.626</b>
1. Tiền	111	6	2.570.166.831	4.198.603.626
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.412.801.102</b>	<b>52.926.370.695</b>
1. Phải thu khách hàng	131		63.125.146.740	46.108.468.721
2. Trả trước cho người bán	132		400.770.100	6.517.370.100
3. Các khoản phải thu khác	135		1.308.259.262	1.348.956.874
4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.421.375.000)	(1.048.425.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>5.183.823.943</b>	<b>6.876.884.693</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.183.823.943	6.876.884.693
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.487.373.921</b>	<b>3.808.108.751</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220.368.307	484.255.423
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.857.667	437.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		436.169.633	44.573.195
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.777.978.314	3.278.842.407
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.218.341.788</b>	<b>21.329.783.104</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.999.328.609</b>	<b>17.452.848.471</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	12.999.328.609	17.452.848.471
- Nguyên giá	222		64.484.909.091	63.833.621.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.485.580.482)	(46.380.772.802)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>1.472.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	-	1.472.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.219.013.179</b>	<b>2.404.934.633</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		832.679.429	936.934.633
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	2.386.333.750	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	1.468.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>74.872.507.585</b>	<b>89.139.750.869</b>

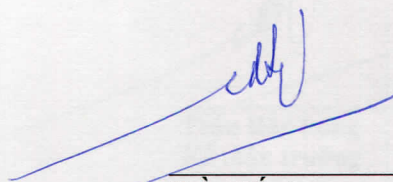
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
			(Trình bày lại)	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>42.440.756.877</b>	<b>43.130.315.730</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.173.556.877</b>	<b>39.262.789.961</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.400.000.000
2. Phải trả người bán	312		21.289.512.224	12.346.880.071
3. Người mua trả tiền trước	313		483.926.484	650.372.152
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	111.019.757	2.334.593.099
5. Phải trả người lao động	315		4.087.353.785	3.155.957.913
6. Chi phí phải trả	316	12	4.935.648.029	17.645.094.723
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	5.700.257.477	347.637.041
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.565.839.121	1.382.254.962
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.267.200.000</b>	<b>3.867.525.769</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	4.207.200.000	3.786.400.000
2. Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000	60.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	21.125.769
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.431.750.708</b>	<b>46.009.435.139</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>32.431.750.708</b>	<b>46.009.435.139</b>
1. Vốn cổ phần	411		27.682.210.000	27.682.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.739.082.602	3.739.082.602
3. Cổ phiếu quỹ	414		(515.226.000)	(515.226.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.081.393.353	320.394.033
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.172.981.307	7.172.981.307
6. Lỗ lũy kế/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.728.690.554)	7.609.993.197
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b><u>74.872.507.585</u></b>	<b><u>89.139.750.869</u></b>



Hồ Sỹ Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 30 tháng 3 năm 2012

  
 Trần Đắc Long  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		75.981.391.400	88.094.849.642
2. Doanh thu thuần	10		75.981.391.400	88.094.849.642
3. Giá vốn dịch vụ	11		(61.395.008.818)	(68.936.331.880)
4. Lợi nhuận gộp	20		14.586.382.582	19.158.517.762
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		463.104.500	965.727.698
6. Chi phí tài chính	22		(564.739.759)	(371.372.191)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		143.939.759	172.193.000
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.421.602.473)	(9.950.088.633)
8. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(9.936.855.150)	9.802.784.636
9. Thu nhập khác	31		516.814.237	233.512.268
10. Chi phí khác	32		(125.294.084)	(2.768.820)
11. Lợi nhuận khác	40		391.520.153	230.743.448
12. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	50		(9.545.334.997)	10.033.528.084
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	(2.484.716.501)
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	2.386.333.750	-
<b>15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60</b>	<b>19</b>	<b>(7.159.001.247)</b>	<b>7.548.811.583</b>
16. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.609)	3.210



Hồ Sỹ Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Đắc Long  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(9.545.334.997)	10.033.528.084
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.371.110.323	5.598.860.201
Các khoản dự phòng	03	15.372.950.000	1.048.425.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	420.800.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(847.810.416)	(855.431.963)
Chi phí lãi vay	06	143.939.759	172.193.000
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>10.915.654.669</b>	<b>15.997.574.322</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(9.821.389.393)	(34.876.176.927)
Biến động hàng tồn kho	10	1.693.060.750	(4.011.918.462)
Biến động các khoản phải trả	11	(4.507.129.388)	23.254.189.172
Biến động chi phí trả trước	12	368.142.320	577.895.825
Tiền lãi vay đã trả	13	(143.939.759)	(172.193.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(875.327.624)	(2.542.381.517)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.486.856.700	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(746.585.025)	(1.159.151.060)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.630.656.750)</b>	<b>(2.932.161.647)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.042.884.545)	(1.580.631.862)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán mua tài sản cố định	22	510.000.000	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	172.771.702	869.608.547
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.762.332.798	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.402.219.955</b>	<b>(711.023.315)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.000.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.400.000.000)	(1.400.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(2.058.236.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.400.000.000)</b>	<b>(3.458.236.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.628.436.795)</b>	<b>(7.101.420.962)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4.198.603.626</b>	<b>11.300.024.588</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.570.166.831</b>	<b>4.198.603.626</b>

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 5.488.514.000 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Hồ Sỹ Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Đắc Long  
Kế toán trưởng